

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 321/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2026

V/v tranh chấp: “Ly hôn và nuôi dưỡng con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Phan Thị Mỹ Ái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 786/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1438/2026/QĐ.TA ngày 14 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị Chúc T**, sinh năm 2000

Căn cước 086300010078 cấp ngày 03/7/2024.

Địa chỉ: **ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.**

* *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh T1**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

CCCD số 092085001913.

Địa chỉ: **ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Đinh Thị Chúc T** trình bày:*

Bà và ông **T1** tiến đến hôn nhân năm 2019, đăng ký kết hôn theo quy định tại **UBND xã T** ngày 31/5/2022. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, ông T1 thường xuyên tụ tập uống rượu, không lo làm ăn, gây xung đột gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

- Về con chung: bà và ông T1 có 01 con chung là Trần Thị Trúc Q, giới tính: nữ, sinh ngày 15/02/2020. Khi ly hôn, bà giao con cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Thanh T1 trình bày:

Về hôn nhân, ông đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị Chúc T. Về con chung, ông yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị Trúc Q, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu ly hôn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Trần Thanh T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đinh Thị Chúc T và ông Trần Thanh T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (cũ) vào ngày 31/5/2022. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn sâu sắc do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hòa hợp. Thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Phía bị đơn ông T1 cũng đồng ý ly hôn nhưng ông T1 vắng mặt nên Tòa án không thể công nhận ông T1 và bà T thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của ông T1 và bà T đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn

cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà **Đinh Thị Chúc T** là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà **T** và ông **T1** có 01 con chung là **Trần Thị Trúc Q**, giới tính: nữ, sinh ngày 15/02/2020. Xét nguyện vọng của ông **T1** mong muốn được nuôi dưỡng cháu **Q** do hiện nay cháu đang do ông **T1** trực tiếp chăm sóc, ổn định về chỗ ở và sinh hoạt. Hơn nữa, bà **T** cũng thống nhất giao con chung cho ông **T1** nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do ông **T1** không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà **T** và ông **T1** đều khai không có, do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà **Đinh Thị C** Tiên được ly hôn với ông **Trần Thanh T1**.

2. Về con chung: giao cháu **Trần Thị Trúc Q**, giới tính: nữ, sinh ngày 15/02/2020 cho ông **Trần Thanh T1** nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà **Đinh Thị Chúc T**, không ai có quyền ngăn cản bà **T** thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà **Đinh Thị Chúc T** và ông **Trần Thanh T1** khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà **Đinh Thị Chúc T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001341 ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS kv3-CT;
- THA kv3-CT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc